



ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC CẠNH TRANH CẤP SỞ, BAN, NGÀNH VÀ ĐỊA PHƯƠNG

DDCI
HẢI PHÒNG
2022





ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC CẠNH TRANH CẤP SỞ, BAN, NGÀNH VÀ ĐỊA PHƯƠNG THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

BÁO CÁO TÓM TẮT

Để tham khảo báo cáo đầy đủ, hồ sơ, dữ liệu chi tiết về DDCI Hải Phòng,
đề nghị truy cập trang web:

<https://haiphong.ddci.org.vn/>

Hoặc quý vị có thể sử dụng điện thoại di động, máy tính bảng để quét mã QR dưới đây:



Tháng 3/2023

LỜI CẢM ƠN

Chi số năng lực cạnh tranh cấp Sở, ban, ngành và địa phương năm 2022 là công trình đánh giá thực tiễn năm thứ ba về năng lực điều hành kinh tế và cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh tại các Sở, ban, ngành và địa phương của thành phố Hải Phòng.

Kết quả đánh giá DDCI Hải Phòng năm 2022 là việc thực hiện giữa ba cơ quan Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng, Cục Thống kê thành phố Hải Phòng và đơn vị tư vấn. Cục Thống kê thực hiện khảo sát DDCI Hải Phòng 2022. Đơn vị tư vấn đề xuất xây dựng báo cáo phương pháp luận, Bộ Chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh cấp Sở, ban, ngành và địa phương năm 2022; phân tích dữ liệu, hoàn thiện báo cáo đánh giá và xếp hạng DDCI 2022. Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt báo cáo phương pháp luận, Bộ Chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh cấp Sở, ban, ngành và địa phương năm 2022; phê duyệt kết quả điểm số, xếp hạng và Báo cáo kết quả đánh giá năng lực cạnh tranh cấp Sở, ban, ngành và địa phương (DDCI) thành phố Hải Phòng năm 2022.

Nhóm nghiên cứu xin trân trọng cảm ơn các ý kiến chỉ đạo và sự ủng hộ của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng. Chúng tôi đặc biệt cảm ơn lãnh đạo Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng, lãnh đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư và các Sở, ban, ngành, cũng như lãnh đạo tại các địa phương của thành phố đã ủng hộ quá trình triển khai thực hiện đánh giá DDCI.

Nhóm nghiên cứu xin trân trọng cảm ơn lãnh đạo của Cục Thống kê thành phố, nhóm chuyên gia và các cán bộ khảo sát của Cục Thống kê đã trực tiếp tổ chức công việc khảo sát và nhập dữ liệu từ hoạt động điều tra tại từng địa phương. Chúng tôi trân trọng cảm ơn sự nỗ lực của các cán bộ Cục Thống kê và tinh thần trách nhiệm của các điều tra viên để đảm bảo cuộc điều tra được thực hiện khách quan, chất lượng và đúng tiến độ thời gian.

Xin đặc biệt cảm ơn những góp ý quý báu về phương pháp luận từ các chuyên gia Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam gồm ông Đậu Anh Tuấn (Trưởng ban Pháp chế, VCCI), ông Phạm Ngọc Thạch (Phó Trưởng ban Pháp chế, VCCI), ông Phan Đức Hiếu (Chuyên gia kinh tế) cũng như rất nhiều các chuyên gia khác.

Nhóm nghiên cứu xin trân trọng cảm ơn và ghi nhận những ý kiến đóng góp về nội dung và chuyên môn của nhóm triển khai DDCI, cán bộ các Sở, ban, ngành và địa phương, các Hiệp hội Doanh nghiệp trên địa bàn thành phố, các Hội Doanh nghiệp - Doanh nhân quận, huyện và các cơ quan khác trong quá trình hoàn thiện phương pháp luận và triển khai Kế hoạch.

Các nhận định và ý kiến đánh giá trình bày trong báo cáo này là của Nhóm nghiên cứu, không nhất thiết đại diện cho quan điểm của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng.

MỤC LỤC

LỜI CẢM ON	3
CHƯƠNG 1. GIỚI THIỆU CHUNG.....	5
1.1. Tác động của DDCI Hải Phòng.....	5
1.3. Chỉ số thành phần và các chỉ tiêu	7
CHƯƠNG 2. CẢM NHẬN CHUNG VỀ MÔI TRƯỜNG ĐẦU TƯ, KINH DOANH.....	10
2.1. Tình hình và triển vọng kinh doanh.....	10
2.2. Đánh giá mức độ quan tâm của cơ quan ở thành phố về các vấn đề phát triển bền vững, bao trùm.....	10
CHƯƠNG 3. CHỈ SỐ NĂNG LỰC CẠNH TRANH CẤP SỞ, BAN, NGÀNH. 13	
3.1. Điểm số và xếp hạng DDCI cấp Sở, ban, ngành.....	13
3.2. Hồ sơ DDCI cấp Sở, ban, ngành.....	16
CHƯƠNG 4. CHỈ SỐ NĂNG LỰC CẠNH TRANH CẤP ĐỊA PHƯƠNG.....	29
4.1. Điểm số và xếp hạng DDCI cấp địa phương.....	29
4.2. Hồ sơ DDCI cấp địa phương	33

CHƯƠNG 1. GIỚI THIỆU CHUNG

1.1. Giới thiệu chung về DDCI Hải Phòng năm 2022

Năm 2020, lần đầu tiên thành phố Hải Phòng triển khai đánh giá DDCI và thu về những kết quả tương đối tích cực. Ủy ban nhân dân thành phố tiếp tục duy trì và đẩy mạnh tinh thần cải cách, hàng năm đều thực hiện đánh giá DDCI. Năm 2021, Hải Phòng mạnh mẽ vươn lên vị trí thứ 2 của bảng xếp hạng PCI với 70,61 điểm. DDCI Hải Phòng năm 2022 triển khai nhằm mục đích đánh giá tính sáng tạo và kết quả điều hành của các Sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện, từ đó góp phần cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của Hải Phòng. Cách thực hiện này được đánh giá là một bước đi mạnh mẽ và nỗ lực cải cách của Hải Phòng hướng tới cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh một cách toàn diện.

Kết quả khảo sát năm 2021 nhận được sự quan tâm và đánh giá cao của các lãnh đạo thành phố về ý nghĩa và tác động lan tỏa. Tại hội thảo công bố kết quả DDCI 2021, ông Lê Anh Quân - Phó Chủ tịch Thường trực UBND thành phố Hải Phòng khẳng định: “Việc đánh giá DDCI năm thứ 2 với chủ đề “Cải cách không giới hạn” tiếp tục là một bước đi mạnh mẽ và nỗ lực cải cách của Hải Phòng hướng tới cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh một cách toàn diện. DDCI Hải Phòng năm 2021 tiếp tục tập hợp các đánh giá về cảm nhận của các cơ sở sản xuất kinh doanh (SXKD), bao gồm là các DN, HTX, HKD về công tác điều hành kinh tế của các Sở, ban, ngành và địa phương sẽ có những đánh giá, điều chỉnh thích hợp, nhằm cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh tại thành phố”.

Cộng đồng DN, HTX, HKD cũng khẳng định sự tin tưởng vào nỗ lực của thành phố trong việc cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh thông qua triển khai DDCI. Ông Nguyễn Trung Tuyên - Giám đốc Công ty cổ phần Tư vấn và Đầu tư xây dựng CDS cho biết: “Thông qua chỉ số DDCI, chúng tôi có thể phản ánh được chân thực chất lượng và thái độ phục vụ của cán bộ, công chức cũng như cơ quan quản lý nhà nước khi đến làm các TTHC. Chúng tôi tin tưởng và kỳ vọng vào việc đánh giá chỉ số DDCI sẽ tạo động lực để thành phố Hải Phòng làm tốt hơn nữa việc cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh; là cơ sở để DN chúng tôi tin tưởng vào công tác chỉ đạo của các Sở, ngành, các cấp chính quyền trong nỗ lực vì sự phát triển của thành phố Hải Phòng”.¹

Với sự tham gia đánh giá của hơn 2.500 DN, HTX, HKD, DDCI đã tập hợp được những ý kiến, đánh giá tương đối sát thực tế về môi trường đầu tư, kinh doanh tại thành phố. DDCI đang dần trở thành một trong những công cụ hữu ích cho các cơ quan quản lý nhà nước trong đề xuất lập danh sách để thực hiện những chính sách cải cách thiết thực nhất cho cộng đồng kinh doanh.

¹ <https://diendandoanhnghiep.vn/ddci-hai-phong-cai-cach-khong-gioi-han-225490.html>



1.2. DDCI Hải Phòng năm 2022 và những điểm mới

Phát triển và bổ sung một số câu hỏi mới: Trong phiếu khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2022 đã rà soát, loại bỏ các chỉ tiêu không còn quan trọng, bổ sung một số câu hỏi mới để các DN/HTX/HKD đóng góp ý kiến thêm về những vấn đề chính mà họ thấy cần cải thiện trong thời gian tới. Những ý kiến này sẽ được tổng hợp và đề xuất (nếu có) trong báo cáo cuối cùng.

Cải tiến và hoàn thiện những CSTP hiện có theo phương pháp luận PCI năm 2021: Năm 2021, PCI đã có những điều chỉnh về các chỉ số và chỉ tiêu. Tuy nhiên nếu so sánh với phương pháp luận trước đây của DDCI Hải Phòng thì các CSTP đã có những lồng ghép từ những năm đầu thực hiện. Ví dụ như việc cấp phép trong đánh giá gia nhập thị trường, cạnh tranh bình đẳng giữa các nhóm đối tượng như DNNN, DN FDI, DN “thân hữu” với chính quyền và DN nhỏ và vừa, đánh giá mức độ sử dụng dịch công trực tuyến của DN, đánh giá việc thực hiện các cam kết đối thoại của các cơ quan nhà nước và lãnh đạo. Do đó, DDCI Hải Phòng vẫn tiếp tục cập nhật và hoàn thiện để phản ánh tốt nhất những chuyển động cải cách thực tế tại thành phố. Những CSTP hiện có cũng đã được chỉnh lý và hoàn thiện hơn. Cụ thể như sau:

- CSTP “Gia nhập thị trường và hoạt động cấp phép” đã được điều chỉnh thành “Gia nhập thị trường, hoạt động cấp phép và thực hiện TTHC” giúp đánh giá toàn diện hơn quá trình thực hiện TTHC ở các cơ quan từ lúc bắt đầu tìm hiểu thực hiện đến khi nhận kết quả. Phiếu khảo sát Sở, ban, ngành được bổ sung thêm câu hỏi về mức độ phức tạp của các giấy tờ/thủ tục mà các DN/HTX phải thực hiện thêm ở các cơ quan và tác động đến kế hoạch sản xuất kinh doanh.
- CSTP “Chi phí thời gian thực hiện TTHC và tuân thủ quy định pháp luật” đã được bổ sung thêm các chỉ tiêu liên quan đến hiệu quả của việc thực hiện dịch vụ công trực tuyến trong việc cắt giảm chi phí và thời gian cho DN/HTX.
- CSTP “Cạnh tranh bình đẳng” đã được điều chỉnh để phản ánh chính xác hơn về cảm nhận của người trả lời, nhấn mạnh tình trạng phân biệt đối xử giữa các DN lớn, DN FDI, DN “thân hữu” với chính quyền so với DN nhỏ và vừa.
- CSTP “Tính minh bạch và ứng dụng CNTT” đã được điều chỉnh để phản ánh đúng và rõ hơn về những tiêu chí liên quan. Các tiêu chí về thực hiện dịch vụ công trực tuyến được bổ sung, đánh giá về hiệu quả thực hiện. Ngoài ra, trong vài trường hợp, cách đặt câu hỏi được điều chỉnh để người đọc dễ hiểu hơn và đánh giá cảm nhận một cách chính xác.
- CSTP “Tính năng động và hiệu lực của cơ quan” và CSTP “Vai trò của người đứng đầu” đã gộp thành chỉ số “Tính năng động và tiên phong của cơ quan” vừa thể hiện được vai trò của người đứng đầu cơ quan trong công tác điều hành, vừa thể hiện sự linh hoạt của cả cơ quan và người lãnh đạo trong việc tạo thuận lợi cho môi trường kinh doanh, tránh việc trùng lặp các chỉ tiêu và đưa ra những câu hỏi thực tế, DN/HTX hoàn toàn có đủ hiểu biết để đưa ra nhận định và trả lời.
- CSTP “Hiệu lực thực thi văn bản pháp luật và thiết chế pháp lý” đổi thành “Hiệu lực thực thi văn bản pháp luật và hiệu lực thiết chế”. Trong đó, chỉ số này có điều

chỉnh, cắt bớt một số chỉ tiêu về cơ chế khiếu nại, bổ sung thêm chỉ tiêu về hoạt động tiếp và đối thoại DN, HTX, HKD.

Như vậy sau khi rà soát, Bộ chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh đối với khối Sở, ban, ngành giảm 01 Chỉ số, cắt bỏ 26 chỉ tiêu cũ, bổ sung 21 chỉ tiêu mới; Bộ chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh đối với khối Sở địa phương giảm 01 Chỉ số, cắt bỏ 35 chỉ tiêu cũ, bổ sung 25 chỉ tiêu mới. Sau khi điều chỉnh, bổ sung, Bộ chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh đối với khối Sở, ban, ngành gồm 08 chỉ số thành phần với 53 chỉ tiêu; Bộ chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh đối với địa phương gồm 09 chỉ số thành phần với 85 chỉ tiêu.

Vừa cập nhật vừa duy trì các CSTP: Trong quá trình nghiên cứu phương pháp luận PCI 2021 và thực tế rút kinh nghiệm từ 2 năm thực hiện DDCI, DDCI Hải Phòng đã rà soát, loại bỏ những chỉ tiêu không còn phù hợp, bổ sung những chỉ tiêu mới nhưng cơ bản vẫn giữ những chỉ tiêu và CSTP cơ bản. Bộ chỉ số DDCI Hải Phòng năm 2022 vừa phản ánh kịp thời nhịp độ cải cách của các cơ quan tại thành phố, với các chỉ tiêu phù hợp, đo lường được chất lượng quản lý, điều hành; vừa giữ được tính ổn định qua thời gian, là căn cứ để so sánh cho các cơ quan đánh giá chính xác những thay đổi, biến động về chất lượng điều hành kinh tế và kiểm nghiệm mối liên hệ với hiệu quả kinh doanh của DN/HTX/HKD.

Đẩy mạnh khảo sát trực tuyến: Việc khảo sát trực tuyến trên nền tảng platform đã được tăng cường sử dụng. Để hình thức này được triển khai hiệu quả, hoạt động truyền thông đã được đẩy mạnh, đặc biệt là sự hỗ trợ của các cán bộ điều tra để hướng dẫn và theo dõi tiến độ và chất lượng phiếu trả lời. Ngoài ra, hình thức gửi thư điện tử đến các DN, HTX, HKD ngoài danh sách mẫu để thu thập thêm ý kiến đánh giá cũng được xem xét thực hiện.

1.3. Chỉ số thành phần và các chỉ tiêu



DDCI Hải Phòng được xây dựng gồm hai bộ chỉ số: (i) bộ chỉ số DDCI cấp Sở, ban, ngành và (ii) bộ chỉ số DDCI cấp địa phương.

Các chỉ số thành phần của DDCI

DDCI CẤP SỞ, BAN, NGÀNH

Chỉ số thành phần của DDCI được sử dụng nhằm đánh giá năng lực điều hành của cấp Sở, ban, ngành bao gồm 8 chỉ số thành phần như sau:

1. *Gia nhập thị trường, hoạt động cấp phép và thực hiện TTHC**
2. *Tính minh bạch và ứng dụng công nghệ thông tin*
3. *Tính năng động và tiên phong của Sở, ban, ngành*
4. *Chi phí thời gian thực hiện TTHC và tuân thủ quy định pháp luật*
5. *Chi phí không chính thức*
6. *Cạnh tranh bình đẳng*
7. *Hỗ trợ sản xuất, kinh doanh*
8. *Hiệu lực thực thi văn bản chính sách và hiệu lực thiết chế*

DDCI CẤP ĐỊA PHƯƠNG

Chỉ số thành phần của DDCI được sử dụng nhằm đánh giá năng lực điều hành của cấp địa phương gồm 9 chỉ số thành phần như sau:

1. *Gia nhập thị trường, hoạt động cấp phép và thực hiện TTHC***
2. *Tính minh bạch và ứng dụng công nghệ thông tin*
3. *Tính năng động và tiên phong của chính quyền địa phương*
4. *Chi phí thời gian thực hiện TTHC và tuân thủ quy định pháp luật*
5. *Chi phí không chính thức*
6. *Cạnh tranh bình đẳng*
7. *Hỗ trợ sản xuất, kinh doanh*
8. *Hiệu lực thực thi văn bản chính sách, hiệu lực thiết chế và an ninh trật tự (ANTT)*
9. *Tiếp cận đất đai*

*, **: Trong bộ chỉ số DDCI Hải Phòng, chỉ số “gia nhập thị trường, hoạt động cấp phép và thực hiện TTHC” được hiểu là chỉ số liên quan đến tất cả các thủ tục mà các cơ sở kinh tế phải thực hiện để đi vào hoạt động hoặc để dự án của mình đi vào hoạt động. Cách tiếp cận này phù hợp với xu thế chung và được sử dụng nhiều trong các phương pháp đánh giá như chỉ số “khởi sự kinh doanh” trong báo cáo Doing business của World Bank, chỉ số “gia nhập thị trường” trong báo cáo PCI của VCCI, chỉ số “khởi sự doanh nghiệp” trong báo cáo Chỉ số đánh giá chi phí tuân thủ thủ tục hành chính (APCI) của Hội đồng tư vấn cải cách thủ tục hành chính của Thủ tướng Chính phủ.

1.4. Đặc điểm của mẫu khảo sát DDCI năm 2022

Báo cáo DDCI Hải Phòng năm 2022 là kết quả điều tra năm thứ ba tại thành phố, đã ghi nhận sự tham gia của 2.578 cơ sở kinh tế. Các DN, HTX, HKD được lựa chọn điều tra theo phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên nhằm đảm bảo tính đại diện của mẫu điều tra. Với phương pháp chọn mẫu khoa học và đảm bảo nguyên tắc thống kê, kết quả DDCI Hải Phòng vẫn phản ánh tiếng nói chung cho các DN, HTX, HKD trên địa bàn thành phố về chất lượng điều hành kinh tế của các Sở, ban, ngành và địa phương. Số lượng mẫu thu

về trong DDCI cấp Sở, ban, ngành năm 2022 là 1.728 mẫu (phần lớn đối tượng tham gia là các DN/HTX trong đó, DN chiếm chủ yếu 96,65%, còn lại 3,35% là HTX và HKD). Theo lĩnh vực ngành nghề, thương mại - dịch vụ vẫn là ngành nghề kinh doanh chiếm tỷ trọng lớn nhất trong phân phối mẫu (66,55%), tiếp theo là ngành công nghiệp - xây dựng (30,92%) và nông, lâm nghiệp, thủy sản chiếm 2,53%. Tỷ lệ này cũng khá tương đồng với dân mẫu khảo sát DDCI Hải Phòng các năm trước.

Đối với DDCI cấp địa phương, số lượng mẫu thu về 850 mẫu (đối tượng chính là các HKD chiếm 94,38%, 5,62% là DN/HTX). Số cơ sở hoạt động trong lĩnh vực thương mại - dịch vụ chiếm 77,12%, cao nhất trong các lĩnh vực tiếp tục cho thấy vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế khu vực HKD ở Hải Phòng. Tiếp đến là 14,74% các cơ sở tham gia ở lĩnh vực công nghiệp - xây dựng và còn lại tỉ lệ nhỏ 8,14% các HKD ở ngành nông, lâm nghiệp, thủy sản.

DDCI Hải Phòng 2022 được UBND thành phố Hải Phòng chỉ đạo thực hiện. Cục Thống kê thành phố thực hiện điều tra khảo sát. Đơn vị tư vấn chuẩn bị các công tác chuẩn bị, xử lý số liệu, phân tích, xếp hạng và viết báo cáo.

CHƯƠNG 2. CẢM NHẬN CHUNG VỀ MÔI TRƯỜNG ĐẦU TƯ, KINH DOANH

2.1. Tình hình và triển vọng kinh doanh

Bức tranh kinh doanh của cộng đồng sản xuất kinh doanh trên địa bàn thành phố đang dần hé những gam màu sáng trong năm 2022, nhờ sự phục hồi của nền kinh tế hậu Covid-19 trong giai đoạn “bình thường mới”. Số liệu khảo sát từ DDCI Hải Phòng năm 2022 cho thấy, phần lớn các DN, HTX, HKD kinh doanh có lãi. Cụ thể, đối với khảo sát DDCI cấp Sở, ban, ngành, tỉ lệ DN/HTX hoạt động có lãi đạt 55,58%, cao hơn mức 50,32% năm 2021 và năm 2020. DN/HTX báo hòa vốn chiếm tỉ lệ 15,86%, cao hơn 12,06% năm 2021. Tỉ lệ kinh doanh thua lỗ là 21,2% năm 2022, đã giảm xuống tương đối so với 36,94% năm 2021. Đối với phiếu khảo sát DDCI cấp địa phương, năm 2022 tiếp tục cho thấy sự phục mạnh mẽ với tỉ lệ HKD kinh doanh có lãi đạt 76,21%, tăng khoảng 25% so với mức 51,24% của năm 2021. Tỉ lệ kinh doanh hòa vốn và thua lỗ cũng giảm xuống so với năm 2021, đạt lần lượt là 11,18% và 12,61% trong năm 2022.

Năm 2022 được nhận định là năm bắt đầu phục hồi mạnh mẽ của nền kinh tế hậu Covid-19, tuy nhiên, những biến động về thị trường và các yếu tố khách quan khác cũng ảnh hưởng khá nhiều đến triển vọng kinh doanh của các DN, HTX, HKD. Kết quả khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2022 cho thấy sự lạc quan và niềm tin kinh doanh đang dần tăng lên của cộng đồng SXKD. Trong dữ liệu DDCI cấp Sở, ban, ngành, tỉ lệ DN/HTX mở rộng quy mô đã tăng lên 28,19% trong năm 2022 so với 15,34% năm 2021. Tỉ lệ DN/HTX đóng cửa/ giảm quy mô cũng giảm từ 12,97% năm 2021 xuống 9,79% năm 2022. Song, phần lớn các DN/HTX cũng thận trọng duy trì quy mô kinh doanh như hiện tại.

Đối với khảo sát DDCI Hải Phòng cấp địa phương, triển vọng kinh doanh của khối này cũng khá tương đồng với các DN/HTX. Tỉ lệ HKD mở rộng quy mô tăng gấp đôi so với năm 2021, từ 6,1% năm 2021 lên 13,48% năm 2022. Tỉ lệ HKD kinh doanh thua lỗ phải đóng cửa hay giảm quy mô cũng giảm đáng kể xuống 3,82% năm 2022 so với mức 11,03% năm 2021. Tuy nhiên, cũng như các DN/HTX khác thì phần lớn các HKD vẫn giữ nguyên quy mô, chưa có ý định thay đổi.

2.2. Đánh giá chung về quá trình chuyển đổi số

Kết quả khảo sát DDCI góp phần củng cố những nhận định trên khi có tỉ lệ cao các DN, HTX, HKD đánh giá cao việc triển khai chuyển đổi số/ ứng dụng CNTT ở các cơ quan. Ở khối Sở, ban, ngành, có 78,35% các DN/HTX cho rằng đáp ứng tương đối hiệu quả, giảm được chi phí và thời gian, 18,73% DN/HTX triển khai nhưng hiệu quả bình thường và chỉ có một tỉ lệ nhỏ 2,86% DN/HTX cho rằng việc triển khai chưa mang lại hiệu quả thiết thực. Đối với các HKD đánh giá về chuyển đổi số ở các địa phương, phần lớn các HKD cho biết hiệu quả triển khai tốt, chiếm 72,72%; 23,61% HKD khác thì cho rằng dừng ở mức bình thường và 3,54% HKD còn lại đánh giá khá kém về hiệu quả triển khai chuyển đổi số. Có thể thấy, đa số các DN, HTX, HKD đều tin tưởng và khá hài lòng về

việc triển khai chuyển đổi số/ ứng dụng CNTT, cho thấy sự đồng đều và nỗ lực thực hiện cải cách, đổi mới trong cung cấp dịch vụ công thông qua chuyển đổi số.

Đi sâu vào hỏi về quá trình thực hiện TTHC, các cơ sở SXKD chủ yếu thực hiện TTHC trực tuyến (chiếm khoảng 79,03% với 61,61% DN/HTX kết hợp cả trực tuyến và trực tiếp, 17,42% làm hoàn toàn trực tuyến); 4,01% DN/HTX thuê tư vấn, luật sư thực hiện và 16,84% DN/HTX làm trực tiếp và sử dụng dịch vụ bưu chính.

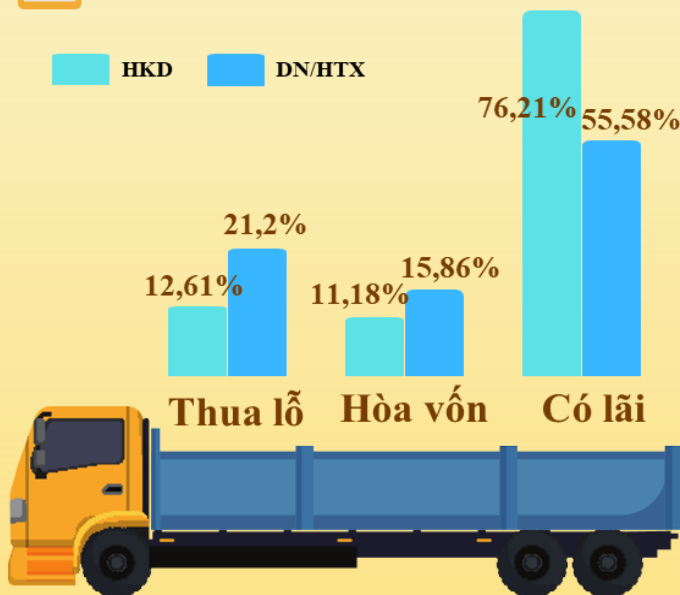
Đánh giá chung về quá trình thực hiện TTHC ở các địa phương, có hơn một nửa HKD làm trực tiếp, chiếm 54,85% và một tỉ lệ nhỏ HKD làm trực tiếp và nộp qua bưu chính và thuê bên tư vấn thực hiện. Còn lại 41,49% HKD thực hiện dịch vụ công trực tuyến, cụ thể là 36,64% HKD vừa làm dịch vụ công trực tuyến vừa làm trực tiếp và 4,85% HKD làm dịch vụ công trực tuyến hoàn toàn.

Như vậy, xét về khả năng tiếp nhận CNTT/ dịch vụ công trực tuyến, các DN/HTX vẫn có lợi thế hơn trong việc tiếp cận và thực hiện TTHC trực tuyến so với các HKD, song tỉ lệ các cơ sở này tự thực hiện hoàn toàn trực tuyến vẫn còn chưa cao. Điều này cho thấy các cơ quan trong thời gian tới cần hướng dẫn các cơ sở SXKD, đặc biệt là nhóm các cơ sở có quy mô nhỏ, ít giao dịch, làm việc về quy trình thực hiện dịch vụ công, khuyến khích thực hiện ở mức độ dịch công toàn trình.

DDCI HẢI PHÒNG 2022

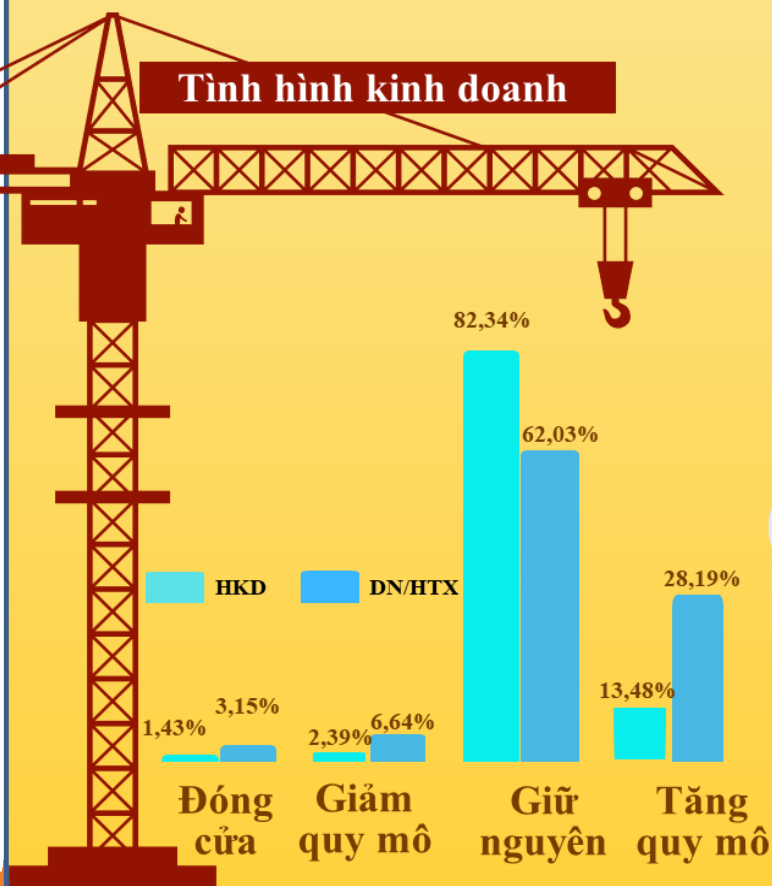
CẢM NHẬN VỀ MÔI TRƯỜNG ĐẦU TƯ, KINH DOANH

Tình hình kinh doanh



Hơn 70%
DN/HTX/HKD đánh
giá việc ứng dụng
CNTT hiệu quả

Tình hình kinh doanh



Hơn 97%
DN, HTX, HKD hài
lòng về chất lượng
điều hành, quản lý

CHƯƠNG 3. CHỈ SỐ NĂNG LỰC CẠNH TRANH CẤP SỞ, BAN, NGÀNH

3.1. Điểm số và xếp hạng DDCI cấp Sở, ban, ngành

Kết quả DDCI cấp Sở, ban, ngành năm 2022 tiếp tục có sự phân nhóm điều hành, chi tiết như sau:

- ❖ *Nhóm điều hành tốt là các cơ quan có mức điểm từ 80 điểm đến dưới 90 điểm.* Năm 2021 chỉ có một cơ quan thuộc nhóm tốt thì năm 2022 đã tăng lên 2 đơn vị xếp hạng trong nhóm “tốt”. Sở Du lịch được đánh giá 82,16 điểm, là cơ quan được đánh giá kết quả tốt nhất. Xếp sau với mức điểm 80,41 điểm là Ngân hàng nhà nước - Chi nhánh Hải Phòng ở vị trí thứ hai.
- ❖ *Nhóm điều hành khá gồm các cơ quan có mức điểm trong khoảng 73-79 điểm.* Sở Kế hoạch và Đầu tư đạt 79,7 điểm xếp vị trí thứ ba, Sở Văn hóa và Thể thao xếp vị trí thứ 4 với 78,95 điểm. Các cơ quan với mức điểm 77 gồm Sở Công Thương, Sở KH&CN, Cục Hải quan TP, Công an TP. BQL KKT, Sở Tài chính với mức điểm 76 điểm. Nhóm các cơ quan có mức 75 điểm gồm Sở LĐ-TB&XH, BHXH TP, Sở Tư pháp, Sở Y tế, Sở GD&ĐT. Hai cơ quan là Cục Thuế TP và Sở NN&PTNTN ở nhóm 74 điểm. Ba cơ quan đứng ở nhóm cuối bảng là Sở TN&MT, Sở Xây dựng và Sở TT&TT. Có thể thấy điểm số của các Sở, ban, ngành ở nhóm này khá sát nhau khi cách biệt chỉ khoảng 1 điểm.

Kết quả điểm số trung bình của DDCI cấp Sở, ban, ngành năm 2022 của thành phố đạt 76,39 điểm, tăng nhẹ 0,09 điểm so với năm 2021. Mặc dù khoảng cách giữa đơn vị đứng đầu và đứng cuối là 8,91 điểm theo thang điểm 100, nói rộng hơn so với năm 2021 nhưng các Sở, ban, ngành có điểm số chênh lệch không quá lớn, bám khá sát nhau. Một mặt cho thấy hoạt động cải cách đang diễn ra sôi nổi ở các lĩnh vực, mặt khác vẫn cho thấy những cơ quan có nhiều sáng kiến mạnh mẽ đã vươn lên nhanh chóng trên bảng xếp hạng. Để các cơ quan ở nhóm cuối vươn lên, bắt kịp nhóm đầu đòi hỏi các cơ quan này nỗ lực tự đổi mới chính mình, tiên phong và loại bỏ những rào cản đổi mới.

Các điểm chính trong công tác điều hành kinh tế ở các Sở, ban, ngành

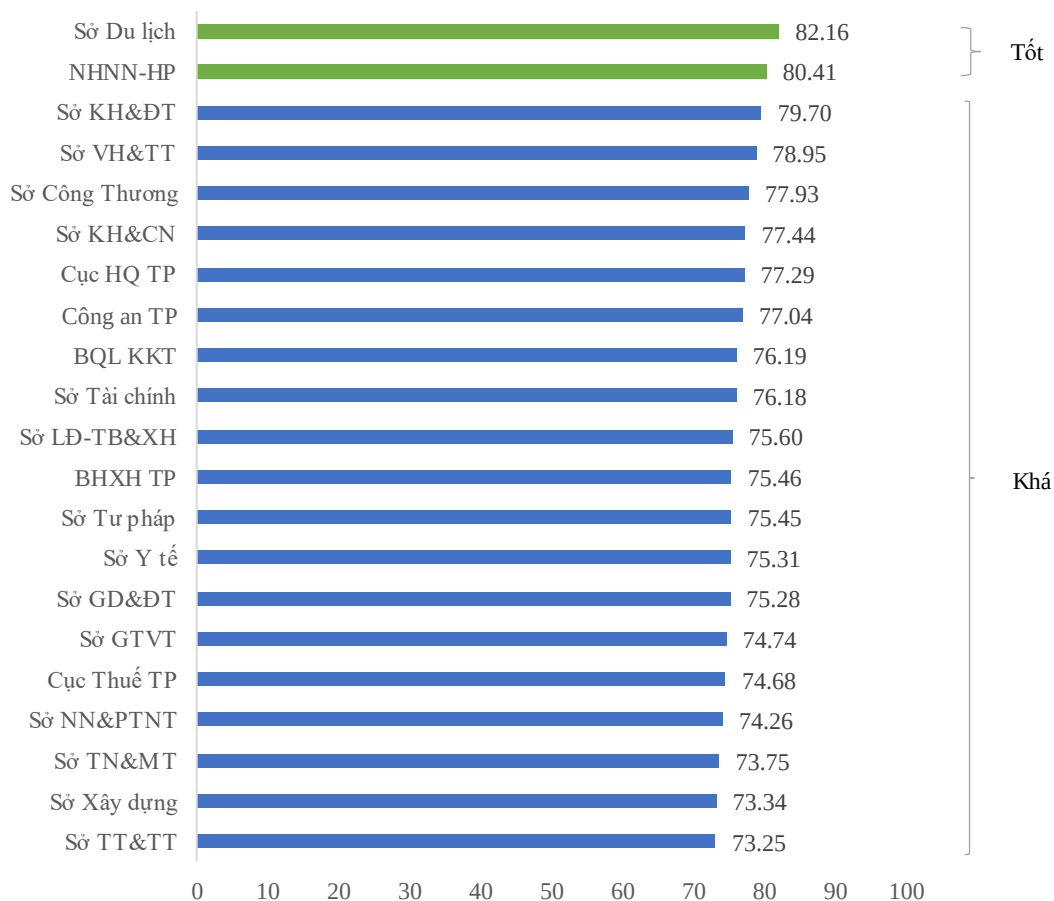
- *Gia nhập thị trường, hoạt động cấp phép và thực hiện TTHC đã được cải thiện:* Khảo sát DDCI năm 2022 ghi nhận những đánh giá tích cực của các DN/HTX về thái độ, chuyên môn giải quyết TTHC của cán bộ, công chức cũng như các hướng dẫn, phối hợp thực hiện TTHC của các Sở, ban, ngành. Tuy nhiên, thời gian tìm hiểu quy trình thực hiện TTHC và số lần sửa đổi, bổ sung hồ sơ vẫn cần cải thiện hơn nữa trong thời gian tới khi có gần 80% DN/HTX tham gia khảo sát cho biết phải sửa đổi, bổ sung hồ sơ ít nhất 1 lần.
- *Chi phí thời gian thực hiện TTHC và tuân thủ pháp luật tiếp tục xu hướng giảm:* Thời gian thực hiện TTHC và tuân thủ quy định pháp luật duy trì theo xu hướng cắt giảm tích cực thông qua đơn giản hóa quy trình thực hiện TTHC, giảm số lần

thanh tra, kiểm tra. Đặc biệt, việc triển khai mạnh mẽ dịch vụ công trực tuyến đã góp phần quan trọng trong quá trình cải cách hành chính. Kết quả khảo sát cho thấy 77,21% DN/HTX không gặp khó khăn khi thực hiện TTHC trực tuyến và 80,51% DN/HTX cho biết thực hiện TTHC giúp giảm thời gian và chi phí.

- *Tính năng động và tiên phong của Sở, ban, ngành tiếp tục được phát huy:* DDCI Hải Phòng năm 2022 ghi nhận nhiều đánh giá tích cực của cộng đồng DN/HTX về tinh thần tiên phong, năng động và điều hành kinh tế hiệu quả trong năm 2022. Có 81,86% DN/HTX nhận thấy các Sở, ban, ngành đã thực hiện hiệu quả và linh hoạt các chương trình, chủ trương của UBND thành phố trong khuôn khổ pháp luật, nhằm tạo môi trường kinh doanh thuận lợi. Tuy nhiên, tổ chức đối thoại ở các cơ quan vẫn chưa nhận được sự đánh giá cao từ phía DN/HTX trong năm 2022 do tỉ lệ DN/HTX tham gia còn thấp và chất lượng chưa đáp ứng được kì vọng của các DN/HTX.
- *Chi phí không chính thức cần nỗ lực cắt giảm:* Kết quả DDCI cấp Sở, ban, ngành năm 2022 cho thấy mức độ phổ biến của chi phí không chính thức (chi phí lót tay, chi phí khác ngoài quy định của Nhà nước) bỏ ra đang trở nên ít xảy ra khi có hơn một nửa DN/HTX (53,21%) cho rằng hoàn toàn không có chi phí không chính thức và chỉ có khoảng 6% DN/HTX cho biết tình trạng này vẫn còn phổ biến. Tuy nhiên, nhiều DN/HTX cho biết họ phải chi trả các khoản chi phí này nhưng công việc lại không được giải quyết đúng như mong muốn.
- *Hiệu lực thực thi văn bản chính sách và thiết chế pháp lý cải thiện chậm:* Đánh giá về hiệu quả thực hiện các chính sách, văn bản pháp luật triển khai, thực thi, tỉ lệ DN/HTX cho rằng đã triển khai hiệu quả, nghiêm túc là 70,52%, tăng dần qua các năm khảo sát. Song, các nội dung liên quan đến cơ chế giải quyết khiếu nại, tố cáo và tiếp dân cải thiện chậm mặc dù còn nhiều không gian cải thiện.
- *Tính minh bạch và ứng dụng CNTT cần tiếp tục cải thiện:* Đánh giá về mức độ thuận lợi khi tiếp cận với các thông tin, văn bản quy phạm pháp luật, TTHC, cơ chế chính sách mới, có 67,69% DN/HTX đánh giá tiếp cận khá dễ dàng, cao hơn mức 60,26% DN/HTX năm 2021 và 54,62% năm 2020. Tuy nhiên, các DN/HTX tham gia khảo sát cũng cho biết về việc gặp khó khăn nhận thông tin khi yêu cầu các cơ quan cung cấp các thông tin không sẵn có và cho rằng vẫn cần phải có “mối quan hệ” mới có thể tiếp cận được các thông tin, tài liệu quan trọng.
- *Hỗ trợ sản xuất, kinh doanh cần hiệu quả hơn:* Kết quả đánh giá của các DN/HTX về tác động của các chương trình hỗ trợ nâng cao hoạt động SXKD chưa thực sự hiệu quả khi có 67,41% DN/HTX phản hồi tích cực, giảm so với 73,72% DN/HTX năm 2021. Tỉ lệ DN/HTX cho biết không được mời/ hiếm khi được mời tham gia vẫn duy trì ở mức cao là 34,46% năm 2022. Tuy ở mức cao nhưng so với kết quả 2 năm trước, điểm số chỉ tiêu này có cải thiện nhẹ tăng lên 5,72 điểm so với 5,32 điểm năm 2021 và 5,41 điểm năm 2020.
- *Môi trường đầu tư, kinh doanh cần bình đẳng và có hỗ trợ phù hợp với các DN nhỏ và vừa/HTX:* Khảo sát DDCI cho thấy có khoảng 60% DN/HTX nhận thấy được đối xử công bằng trong tiếp cận các thông tin, cơ hội SXKD, thực hiện TTHC và giải quyết các vấn đề phát sinh. Tuy nhiên, vẫn còn nhiều DN/HTX

cho biết vẫn còn tình trạng các cơ quan ưu ái hơn với các DN/HTX lớn, DN FDI, DN thân hữu với chính quyền so với các DN/HTX vừa và nhỏ.

Biểu đồ 3.1. DDCI Sở, ban, ngành năm 2022 - Thành phố Hải Phòng (thang điểm 100)



Nguồn: Cục Thống kê Hải Phòng và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng 2022



3.2

HỒ SƠ DDCI CẤP SỞ, BAN, NGÀNH

BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ HẢI PHÒNG

1. Kết quả xếp hạng và điểm số

XẾP HẠNG
9
ĐIỂM SỐ
76,19
PHÂN NHÓM
Khá

2. Kết quả chi tiết chỉ số thành phần

Chỉ số thành phần	2020	2021	2022
Gia nhập thị trường, hoạt động cấp phép và thực hiện TTHC	6,50	6,07	7,2
Tính minh bạch & ứng dụng CNTT	6,91	6,94	7,33
Tính năng động và tiên phong của Sở, ban, ngành	7,22	7,21	7,49
Chi phí thời gian thực hiện TTHC & tuân thủ pháp luật	7,51	7,45	7,95
Chi phí không chính thức	8,34	8,39	8,48
Cạnh tranh bình đẳng	7,88	7,69	7,54
Hỗ trợ SXKD	7,06	7,06	7,19
Hiệu lực thực thi văn bản chính sách và hiệu lực thiết chế	7,54	7,44	7,76

BẢO HIỂM XÃ HỘI THÀNH PHỐ

1. Kết quả xếp hạng và điểm số

XẾP HẠNG
12
ĐIỂM SỐ
75,46
PHÂN NHÓM
Khá

2. Kết quả chi tiết chỉ số thành phần

Chỉ số thành phần	2020	2021	2022
Gia nhập thị trường, hoạt động cấp phép và thực hiện TTHC	7,12	7,04	7,49
Tính minh bạch & ứng dụng CNTT	6,90	7,39	7,47
Tính năng động và tiên phong của Sở, ban, ngành	7,20	7,5	7,29
Chi phí thời gian thực hiện TTHC & tuân thủ pháp luật	7,55	7,83	7,86
Chi phí không chính thức	8,15	8,62	8,41
Cạnh tranh bình đẳng	7,76	7,82	7,21
Hỗ trợ SXKD	6,84	7,31	6,96
Hiệu lực thực thi văn bản chính sách và hiệu lực thiết chế	7,37	7,71	7,68

CÔNG AN THÀNH PHỐ

1. Kết quả xếp hạng và điểm số

XẾP HẠNG
8
ĐIỂM SỐ
77,04
PHÂN NHÓM
Khá

2. Kết quả chi tiết 9 chỉ số thành phần

Chỉ số thành phần	2020	2021	2022
Gia nhập thị trường, hoạt động cấp phép và thực hiện TTHC	6,75	6,84	7,53
Tính minh bạch & ứng dụng CNTT	6,84	7,34	7,48
Tính năng động và tiên phong của Sở, ban, ngành	7,14	7,44	7,59
Chi phí thời gian thực hiện TTHC & tuân thủ pháp luật	7,25	7,61	7,94
Chi phí không chính thức	7,86	8,11	8,3
Cạnh tranh bình đẳng	7,59	7,8	7,66
Hỗ trợ SXKD	6,63	7,05	7,29
Hiệu lực thực thi văn bản chính sách và hiệu lực thiết chế	7,24	7,71	7,84

SỞ CÔNG THƯƠNG

1. Kết quả xếp hạng và điểm số

XẾP HẠNG
5
ĐIỂM SỐ
77,93
PHÂN NHÓM
Khá

2. Kết quả chi tiết 9 chỉ số thành phần

Chỉ số thành phần	2020	2021	2022
Gia nhập thị trường, hoạt động cấp phép và thực hiện TTHC	6,94	6,69	7,54
Tính minh bạch & ứng dụng CNTT	7,10	7,48	7,51
Tính năng động và tiên phong của Sở, ban, ngành	7,38	7,71	7,61
Chi phí thời gian thực hiện TTHC & tuân thủ pháp luật	7,64	7,87	8,09
Chi phí không chính thức	8,08	8,38	8,57
Cạnh tranh bình đẳng	7,86	7,91	7,71
Hỗ trợ SXKD	7,32	7,27	7,32
Hiệu lực thực thi văn bản chính sách và hiệu lực thiết chế	7,60	7,87	7,99

SỞ DU LỊCH

1. Kết quả xếp hạng và điểm số

XẾP HẠNG
1
ĐIỂM SỐ
82,16
PHÂN NHÓM
Tốt

2. Kết quả chi tiết 9 chỉ số thành phần

Chỉ số thành phần	2020	2021	2022
Gia nhập thị trường, hoạt động cấp phép và thực hiện TTHC	6,60	6,77	7,63
Tính minh bạch & ứng dụng CNTT	7,45	7,34	7,94
Tính năng động và tiên phong của Sở, ban, ngành	7,74	7,26	7,99
Chi phí thời gian thực hiện TTHC & tuân thủ pháp luật	7,84	8,01	8,66
Chi phí không chính thức	8,14	8,57	8,95
Cạnh tranh bình đẳng	8,39	7,92	8,41
Hỗ trợ SXKD	7,43	7,09	7,95
Hiệu lực thực thi văn bản chính sách và hiệu lực thiết chế	7,95	7,79	8,2

SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI

1. Kết quả xếp hạng và điểm số

XẾP HẠNG
16
ĐIỂM SỐ
74,74
PHÂN NHÓM
Khá

2. Kết quả chi tiết 9 chỉ số thành phần

Chỉ số thành phần	2020	2021	2022
Gia nhập thị trường, hoạt động cấp phép và thực hiện TTHC	7,23	6,81	7,43
Tính minh bạch & ứng dụng CNTT	6,80	7,32	7,18
Tính năng động và tiên phong của Sở, ban, ngành	7,08	7,35	7,19
Chi phí thời gian thực hiện TTHC & tuân thủ pháp luật	7,44	7,81	8,12
Chi phí không chính thức	8,07	8,34	8,25
Cạnh tranh bình đẳng	7,48	7,89	7,16
Hỗ trợ SXKD	6,67	7,21	6,86
Hiệu lực thực thi văn bản chính sách và hiệu lực thiết chế	7,22	7,67	7,6

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

1. Kết quả xếp hạng và điểm số

XẾP HẠNG
15
ĐIỂM SỐ
75,28
PHÂN NHÓM
Khá

2. Kết quả chi tiết chỉ số thành phần

Chỉ số thành phần	2020	2021	2022
Gia nhập thị trường, hoạt động cấp phép và thực hiện TTHC	6,63	6,67	7,43
Tính minh bạch & ứng dụng CNTT	7,26	7,95	7,13
Tính năng động và tiên phong của Sở, ban, ngành	7,43	7,95	7,73
Chi phí thời gian thực hiện TTHC & tuân thủ pháp luật	7,68	8,28	7,97
Chi phí không chính thức	8,04	8,27	7,96
Cạnh tranh bình đẳng	8,00	8,36	7,07
Hỗ trợ SXKD	7,13	7,49	7,2
Hiệu lực thực thi văn bản chính sách và hiệu lực thiết chế	7,90	8,4	7,73

CỤC HẢI QUAN THÀNH PHỐ

1. Kết quả xếp hạng và điểm số

XẾP HẠNG
7
ĐIỂM SỐ
77,29
PHÂN NHÓM
Khá

2. Kết quả chi tiết chỉ số thành phần

Chỉ số thành phần	2020	2021	2022
Gia nhập thị trường, hoạt động cấp phép và thực hiện TTHC	7,17	6,89	7,75
Tính minh bạch & ứng dụng CNTT	7,17	7,67	7,73
Tính năng động và tiên phong của Sở, ban, ngành	7,32	7,5	7,54
Chi phí thời gian thực hiện TTHC & tuân thủ pháp luật	7,57	7,85	8,03
Chi phí không chính thức	7,86	8,38	8,44
Cạnh tranh bình đẳng	7,74	7,83	7,26
Hỗ trợ SXKD	6,93	7,34	7,2
Hiệu lực thực thi văn bản chính sách và hiệu lực thiết chế	7,54	8,00	7,88

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

1. Kết quả xếp hạng và điểm số

XẾP HẠNG
3
ĐIỂM SỐ
79,7
PHÂN NHÓM
Khá

2. Kết quả chi tiết chỉ số thành phần

Chỉ số thành phần	2020	2021	2022
Gia nhập thị trường, hoạt động cấp phép và thực hiện TTHC	6,84	6,69	7,82
Tính minh bạch & ứng dụng CNTT	7,19	7,44	7,72
Tính năng động và tiên phong của Sở, ban, ngành	7,32	7,42	7,85
Chi phí thời gian thực hiện TTHC & tuân thủ pháp luật	7,95	7,91	8,37
Chi phí không chính thức	8,24	8,30	8,6
Cạnh tranh bình đẳng	8,23	8,17	7,8
Hỗ trợ SXKD	6,99	7,21	7,44
Hiệu lực thực thi văn bản chính sách và hiệu lực thiết chế	7,66	7,85	8,16

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

1. Kết quả xếp hạng và điểm số

XẾP HẠNG
6
ĐIỂM SỐ
77,44
PHÂN NHÓM
Khá

2. Kết quả chi tiết chỉ số thành phần

Chỉ số thành phần	2020	2021	2022
Gia nhập thị trường, hoạt động cấp phép và thực hiện TTHC	6,44	6,67	7,47
Tính minh bạch & ứng dụng CNTT	6,64	7,37	7,34
Tính năng động và tiên phong của Sở, ban, ngành	6,81	7,41	7,6
Chi phí thời gian thực hiện TTHC & tuân thủ pháp luật	7,34	7,67	7,96
Chi phí không chính thức	7,83	8,51	8,37
Cạnh tranh bình đẳng	7,33	7,71	8
Hỗ trợ SXKD	6,48	7,09	7,28
Hiệu lực thực thi văn bản chính sách và hiệu lực thiết chế	7,08	7,61	7,93

SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

1. Kết quả xếp hạng và điểm số

XẾP HẠNG
11
ĐIỂM SỐ
75,60
PHÂN NHÓM
Khá

2. Kết quả chi tiết chỉ số thành phần

Chỉ số thành phần	2020	2021	2022
Gia nhập thị trường, hoạt động cấp phép và thực hiện TTHC	6,66	6,29	7,26
Tính minh bạch & ứng dụng CNTT	6,84	7,00	7,24
Tính năng động và tiên phong của Sở, ban, ngành	7,09	7,11	7,56
Chi phí thời gian thực hiện TTHC & tuân thủ pháp luật	7,38	7,46	7,85
Chi phí không chính thức	7,98	8,21	8,28
Cạnh tranh bình đẳng	7,65	7,36	7,34
Hỗ trợ SXKD	6,89	7,03	7,19
Hiệu lực thực thi văn bản chính sách và hiệu lực thiết chế	7,35	7,52	7,76

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC - CHI NHÁNH HẢI PHÒNG

1. Kết quả xếp hạng và điểm số

XẾP HẠNG
2
ĐIỂM SỐ
80,41
PHÂN NHÓM
Tốt

2. Kết quả chi tiết chỉ số thành phần

Chỉ số thành phần	2020	2021	2022
Gia nhập thị trường, hoạt động cấp phép và thực hiện TTHC	6,89	6,94	8,09
Tính minh bạch & ứng dụng CNTT	7,26	7,41	7,61
Tính năng động và tiên phong của Sở, ban, ngành	7,48	7,25	7,91
Chi phí thời gian thực hiện TTHC & tuân thủ pháp luật	7,93	7,87	8,3
Chi phí không chính thức	8,56	8,75	8,59
Cạnh tranh bình đẳng	8,01	7,93	7,98
Hỗ trợ SXKD	6,96	7,01	7,68
Hiệu lực thực thi văn bản chính sách và hiệu lực thiết chế	7,64	7,87	8,17

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

1. Kết quả xếp hạng và điểm số

XẾP HẠNG
18
ĐIỂM SỐ
74,26
PHÂN NHÓM
Khá

2. Kết quả chi tiết chỉ số thành phần

Chỉ số thành phần	2020	2021	2022
Gia nhập thị trường, hoạt động cấp phép và thực hiện TTHC	7,04	6,94	7,27
Tính minh bạch & ứng dụng CNTT	7,15	7,16	6,99
Tính năng động và tiên phong của Sở, ban, ngành	7,61	7,41	7,14
Chi phí thời gian thực hiện TTHC & tuân thủ pháp luật	8,11	7,74	7,8
Chi phí không chính thức	8,57	8,5	8,21
Cạnh tranh bình đẳng	8,11	7,86	7,37
Hỗ trợ SXKD	7,33	7,11	6,93
Hiệu lực thực thi văn bản chính sách và hiệu lực thiết chế	7,97	7,72	7,7

SỞ TÀI CHÍNH

1. Kết quả xếp hạng và điểm số

XẾP HẠNG
10
ĐIỂM SỐ
76,18
PHÂN NHÓM
Khá

2. Kết quả chi tiết chỉ số thành phần

Chỉ số thành phần	2020	2021	2022
Gia nhập thị trường, hoạt động cấp phép và thực hiện TTHC	7,11	6,59	7,31
Tính minh bạch & ứng dụng CNTT	7,24	7,34	7,34
Tính năng động và tiên phong của Sở, ban, ngành	7,41	7,35	7,57
Chi phí thời gian thực hiện TTHC & tuân thủ pháp luật	7,71	7,86	8,08
Chi phí không chính thức	8,32	8,57	8,31
Cạnh tranh bình đẳng	7,85	7,63	7,69
Hỗ trợ SXKD	7,09	7,16	7
Hiệu lực thực thi văn bản chính sách và hiệu lực thiết chế	7,56	7,64	7,64

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

1. Kết quả xếp hạng và điểm số

XẾP HẠNG
19
ĐIỂM SỐ
73,75
PHÂN NHÓM
Khá

2. Kết quả chi tiết chỉ số thành phần

Chỉ số thành phần	2020	2021	2022
Gia nhập thị trường, hoạt động cấp phép và thực hiện TTHC	6,52	6,51	7,24
Tính minh bạch & ứng dụng CNTT	6,69	7,26	6,99
Tính năng động và tiên phong của Sở, ban, ngành	7,03	7,44	7,28
Chi phí thời gian thực hiện TTHC & tuân thủ pháp luật	7,38	7,72	7,73
Chi phí không chính thức	7,89	8,32	8,21
Cạnh tranh bình đẳng	7,5	7,89	7,23
Hỗ trợ SXKD	6,74	7,11	6,79
Hiệu lực thực thi văn bản chính sách và hiệu lực thiết chế	7,39	7,77	7,53

SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

1. Kết quả xếp hạng và điểm số

XẾP HẠNG
21
ĐIỂM SỐ
73,25
PHÂN NHÓM
Khá

2. Kết quả chi tiết chỉ số thành phần

Chỉ số thành phần	2020	2021	2022
Gia nhập thị trường, hoạt động cấp phép và thực hiện TTHC	6,95	6,91	7,55
Tính minh bạch & ứng dụng CNTT	6,95	7,51	7,08
Tính năng động và tiên phong của Sở, ban, ngành	7,11	7,10	7,15
Chi phí thời gian thực hiện TTHC & tuân thủ pháp luật	7,89	7,80	7,64
Chi phí không chính thức	8,51	8,58	8,52
Cạnh tranh bình đẳng	7,97	7,78	7,33
Hỗ trợ SXKD	6,76	6,9	6,37
Hiệu lực thực thi văn bản chính sách và hiệu lực thiết chế	7,68	7,65	6,96

CỤC THUẾ THÀNH PHỐ

1. Kết quả xếp hạng và điểm số

XẾP HẠNG
17
ĐIỂM SỐ
74,68
PHÂN NHÓM
Khá

2. Kết quả chi tiết chỉ số thành phần

Chỉ số thành phần	2020	2021	2022
Gia nhập thị trường, hoạt động cấp phép và thực hiện TTHC	7,06	6,80	7,33
Tính minh bạch & ứng dụng CNTT	7,09	7,56	7,4
Tính năng động và tiên phong của Sở, ban, ngành	7,24	7,52	7,32
Chi phí thời gian thực hiện TTHC & tuân thủ pháp luật	7,53	7,81	7,92
Chi phí không chính thức	7,99	8,22	8,28
Cạnh tranh bình đẳng	7,62	7,77	6,89
Hỗ trợ SXKD	6,84	7,17	6,96
Hiệu lực thực thi văn bản chính sách và hiệu lực thiết chế	7,40	7,75	7,64

SỞ TƯ PHÁP

1. Kết quả xếp hạng và điểm số

XẾP HẠNG
13
ĐIỂM SỐ
75,45
PHÂN NHÓM
Khá

2. Kết quả chi tiết chỉ số thành phần

Chỉ số thành phần	2020	2021	2022
Gia nhập thị trường, hoạt động cấp phép và thực hiện TTHC	6,95	6,82	7,42
Tính minh bạch & ứng dụng CNTT	7,04	7,47	6,98
Tính năng động và tiên phong của Sở, ban, ngành	7,56	7,81	7,43
Chi phí thời gian thực hiện TTHC & tuân thủ pháp luật	7,80	8,05	7,86
Chi phí không chính thức	8,15	8,7	8,38
Cạnh tranh bình đẳng	7,67	8,17	7,12
Hỗ trợ SXKD	7,33	7,56	7,38
Hiệu lực thực thi văn bản chính sách và hiệu lực thiết chế	7,89	8,15	7,79

SỞ VĂN HÓA VÀ THỂ THAO

1. Kết quả xếp hạng và điểm số

XẾP HẠNG
4
ĐIỂM SỐ
78,95
PHÂN NHÓM
Khá

2. Kết quả chi tiết chỉ số thành phần

Chỉ số thành phần	2020	2021	2022
Gia nhập thị trường, hoạt động cấp phép và thực hiện TTHC	7,01	7,37	7,9
Tính minh bạch & ứng dụng CNTT	7,40	7,82	7,74
Tính năng động và tiên phong của Sở, ban, ngành	7,30	7,99	7,85
Chi phí thời gian thực hiện TTHC & tuân thủ pháp luật	7,82	8,10	8,27
Chi phí không chính thức	8,23	8,49	8,58
Cạnh tranh bình đẳng	8,11	8,2	7,56
Hỗ trợ SXKD	7,41	7,61	7,1
Hiệu lực thực thi văn bản chính sách và hiệu lực thiết chế	7,78	8,22	8,16

SỞ XÂY DỰNG

1. Kết quả xếp hạng và điểm số

XẾP HẠNG
20
ĐIỂM SỐ
73,34
PHÂN NHÓM
Khá

2. Kết quả chi tiết chỉ số thành phần

Chỉ số thành phần	2020	2021	2022
Gia nhập thị trường, hoạt động cấp phép và thực hiện TTHC	6,96	6,65	7,22
Tính minh bạch & ứng dụng CNTT	6,98	7,41	7,07
Tính năng động và tiên phong của Sở, ban, ngành	7,09	7,53	7,26
Chi phí thời gian thực hiện TTHC & tuân thủ pháp luật	7,67	7,87	7,81
Chi phí không chính thức	8,04	8,33	8,19
Cạnh tranh bình đẳng	7,64	7,79	7,04
Hỗ trợ SXKD	6,91	7,07	6,66
Hiệu lực thực thi văn bản chính sách và hiệu lực thiết chế	7,46	7,66	7,42

SỞ Y TẾ

1. Kết quả xếp hạng và điểm số

XẾP HẠNG

14

ĐIỂM SỐ

75,31

PHÂN NHÓM

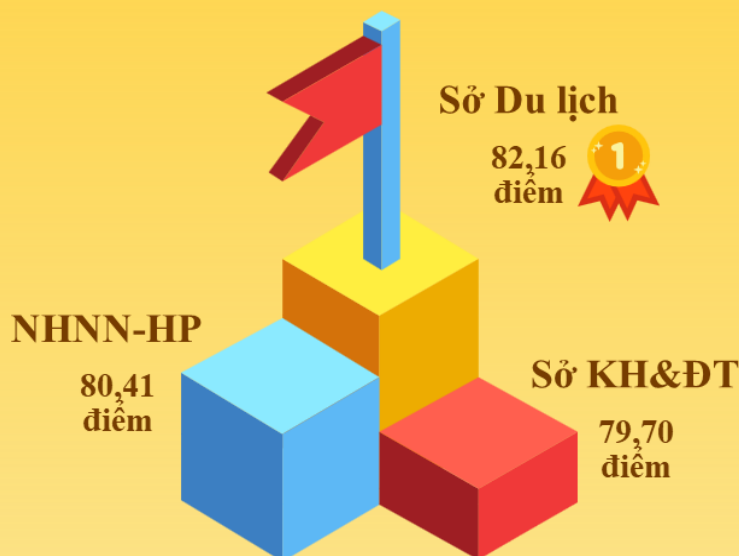
Khá

2. Kết quả chi tiết chỉ số thành phần

Chỉ số thành phần	2020	2021	2022
Gia nhập thị trường, hoạt động cấp phép và thực hiện TTHC	6,86	6,77	7,11
Tính minh bạch & ứng dụng CNTT	7,23	7,34	7,52
Tính năng động và tiên phong của Sở, ban, ngành	7,51	7,52	7,57
Chi phí thời gian thực hiện TTHC & tuân thủ pháp luật	7,85	7,87	7,82
Chi phí không chính thức	8,42	8,14	8,09
Cạnh tranh bình đẳng	8,01	7,93	7,02
Hỗ trợ SXKD	7,28	7,38	7,22
Hiệu lực thực thi văn bản chính sách và hiệu lực thiết chế	8,07	7,93	7,9

DDCI HẢI PHÒNG 2022

NĂNG LỰC CẠNH TRANH SỞ, BAN, NGÀNH



Một số CSTP tích cực

8,38 điểm
Chi phí không chính thức

8,0 điểm
Chi phí thời gian thực hiện TTHC và
tuân thủ quy định pháp luật

CÁC CHỈ SỐ CẦN CẢI THIỆN

Tính minh bạch và
ứng dụng CNTT



Hỗ trợ sản xuất
kinh doanh

CHƯƠNG 4. CHỈ SỐ NĂNG LỰC CẠNH TRANH CẤP ĐỊA PHƯƠNG

4.1. Điểm số và xếp hạng DDCI cấp địa phương

Theo Quyết định số 4105/QĐ-UBND về việc phê duyệt Báo cáo phương pháp luận và ban hành Bộ chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh cấp Sở, ban, ngành và địa phương (DDCI) thành phố Hải Phòng năm 2022, huyện Bạch Long Vĩ không phát sinh TTHC với các cơ sở SXKD nên huyện Bạch Long Vĩ không đánh giá và xếp hạng DDCI năm 2022. Biểu đồ 4.1 thể hiện điểm số và thứ hạng DDCI cấp địa phương năm 2022 và bản đồ phân nhóm kết quả DDCI cấp địa phương năm 2022. Kết quả DDCI cấp địa phương năm 2022 được phân nhóm rõ ràng hơn so với các năm 2021 với 3 nhóm điều hành chính gồm:

- ❖ *Nhóm điều hành rất tốt:* Năm 2022 đánh dấu xuất hiện địa phương đầu tiên đạt mức điểm trên 90 điểm là quận Dương Kinh, đứng đầu bảng xếp hạng địa phương với 93,17 điểm.
- ❖ *Nhóm điều hành tốt:* Các địa phương được đánh giá ở nhóm điểm số tốt trên 80 điểm trong năm 2022 cũng tiếp tục gia tăng khi có 6 địa phương trong nhóm này gồm: quận Ngô Quyền, huyện Tiên Lãng, quận Hồng Bàng, quận Kiến An, quận Hải An và huyện Cát Hải.
- ❖ *Nhóm điều hành khá:* Còn lại 7 địa phương thuộc nhóm điều hành với phân bố điểm số trong khoảng 73 - 79 điểm, hai huyện Vĩnh Bảo và An Lão đã không duy trì được nhịp độ cải cách, giảm điểm, dẫn đến thứ hạng tụt giảm khá nhiều, nằm ở nhóm cuối của bảng xếp hạng năm 2022.

Điểm số trung bình của DDCI cấp địa phương năm 2022 đạt 80,78 điểm, mức điểm tốt trung bình toàn thành phố, tăng gần 2 điểm so với năm 2021, duy trì xu hướng cải thiện tích cực theo thời gian. Mặc dù vậy, khoảng cách chênh lệch giữa địa phương đứng đầu và đứng cuối bảng có dấu hiệu giãn rộng hơn khi tăng từ 16,51 điểm năm 2021 lên 19,28 điểm năm 2022. Điều này cho thấy những nỗ lực bền bỉ của các địa phương sẽ dần dần tác động tích cực đến chất lượng môi trường kinh doanh và được cộng đồng SXKD ghi nhận. Mặt khác, điều này cũng phản ánh sự khó khăn thực tế trong cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh tại các địa phương, nhất là các địa phương đã từng ở nhóm đầu của bảng xếp hạng phải luôn đi đầu, sáng tạo không ngừng nếu không sẽ nhanh chóng bị bắt kịp và tụt lại. Tuy nhiên, việc duy trì động lực cao liên tục là một thách thức vì các sáng kiến cải cách, đổi mới thường khó xuất hiện đều đặn.

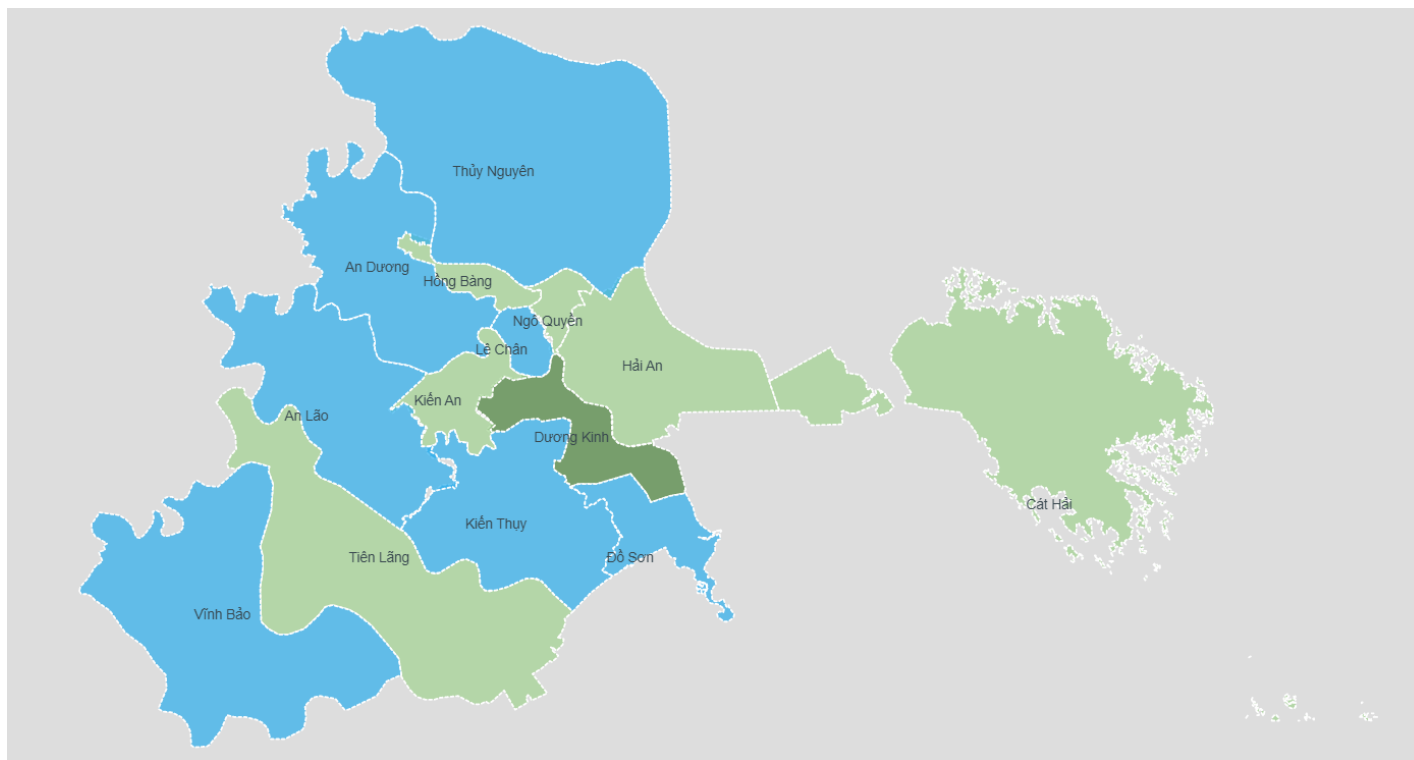
Các điểm chính trong công tác điều hành kinh tế ở các địa phương

- *Gia nhập thị trường, hoạt động cấp phép và thực hiện TTHC đang dần có nhiều cải thiện:* Kết quả khảo sát DDCI cấp địa phương cho thấy sự hài lòng của các HKD về chuyên môn, hiệu quả giải quyết TTHC của cán bộ, công chức thực hiện. Nhìn chung, thời gian tìm hiểu thông tin về trình tự, thủ tục ĐKKD/giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh chuyên ngành, TTHC đã được rút ngắn hơn

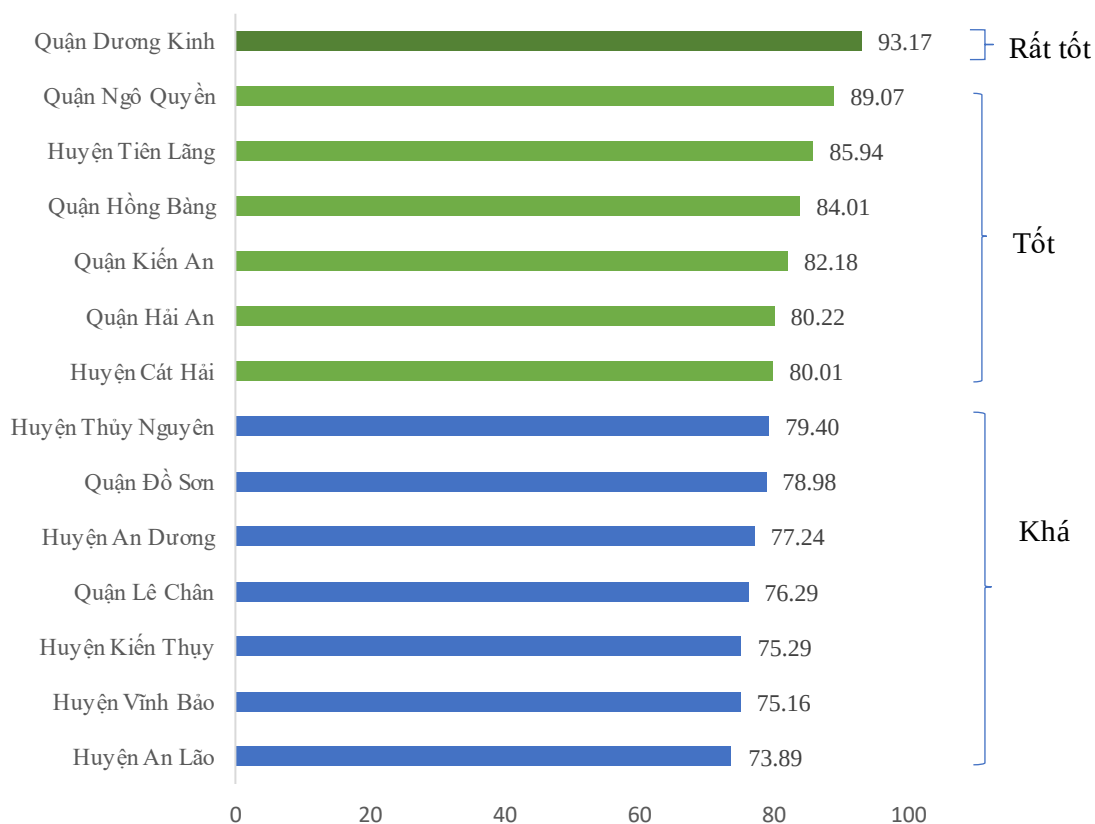
nhưng vẫn còn 13,81% HKD phải mất hơn 5 ngày để tìm hiểu và gần 70% HKD phải sửa đổi hồ sơ ít nhất một lần mới hợp lệ.

- *Chi phí không chính thức duy trì xu hướng cắt giảm:* Phân tích kết quả khảo sát DDCI năm 2022 cho thấy mức độ phổ biến của chi phí không chính thức ở các địa phương đang ít phổ biến hơn. Có 45,31% HKD cho biết hoàn toàn không có hiện tượng trên, cao hơn mức 43,34% năm 2021 và có hơn 92% HKD nhận định rằng chi phí không chính thức có xu hướng giảm.
- *Hiệu lực thực thi văn bản chính sách, hiệu lực thiết chế và an ninh trật tự (ANTT) tiếp tục được đánh giá tốt:* Kết quả khảo sát DDCI 2022 có 82,56% HKD cho rằng việc triển khai các văn bản chính sách khá hiệu quả ở các địa phương. Tình hình an ninh trật tự ổn định, đảm bảo môi trường kinh doanh, đầu tư thuận lợi. Song, cần lưu ý đến cơ chế giải quyết khiếu nại và tiếp dân cần công khai, minh bạch hơn trong thời gian tới.
- *Gánh nặng chi phí thời gian thực hiện TTHC và tuân thủ quy định pháp luật được giảm nhẹ nhưng chưa nhanh:* Kết quả phân tích dữ liệu DDCI năm 2022 cho thấy hiệu quả giải quyết TTHC đã có cải thiện trong thời gian qua. Có 78,77% HKD đánh giá cao việc thực hiện TTHC trực tuyến đã giúp cắt giảm thời gian và chi phí. Tuy nhiên, các chỉ tiêu liên quan tới gánh nặng tuân thủ pháp luật chưa có nhiều biến chuyển như kì vọng.
- *Đẩy mạnh minh bạch thông tin và ứng dụng CNTT:* Khảo sát DDCI cấp địa phương năm 2022 cho thấy chất lượng công bố các thông tin ở các địa phương đang dần chuyển biến tích cực, nhưng chưa đồng đều ở các lĩnh vực. Đặc biệt là mức độ ứng dụng CNTT và sử dụng dịch vụ công trực tuyến ở khu vực HKD còn khá thấp so với DN/HTX. Có tới 57,62% HKD tham gia khảo sát cho biết vẫn thực hiện TTHC trực tiếp và chỉ có 50,36% HKD biết đến và đánh giá chính quyền địa phương có ứng dụng CNTT/ sử dụng phương thức mới, các xu thế mới trong công khai thông tin và giải đáp thắc mắc.
- *Tác động của hoạt động hỗ trợ sản xuất, kinh doanh còn khiêm tốn:* Tỷ lệ HKD cho biết được mời tham gia các chương trình hỗ trợ cơ sở SXKD do địa phương tổ chức còn khá thấp, chỉ đạt 20,36%. Bên cạnh đó, thủ tục đề hưởng các chương trình hỗ trợ trên vẫn còn khá phức tạp đối với các HKD.
- *Tính năng động và tiên phong của chính quyền địa phương cần tiếp tục phát huy những điểm nổi bật và cải thiện những điểm lưu ý:* Có 85,74% HKD phản hồi tích cực về việc chính quyền các địa phương đã thực hiện hiệu quả và linh hoạt các chương trình, chủ trương của UBND thành phố trong khuôn khổ pháp luật, nhằm tạo môi trường kinh doanh thuận lợi cho các cơ sở SXKD. Tuy nhiên, việc đối thoại với các cơ sở SXKD chưa thực sự sâu rộng và hiệu quả khi nhiều HKD cho biết chưa được tham gia đối thoại và chất lượng các buổi đối thoại chưa đáp ứng được kì vọng.

Hình 4.1. Bản đồ phân nhóm năng lực điều hành kinh tế theo DDCI 2022



Biểu đồ 4.1. Thứ hạng và điểm số DDCI cấp địa phương năm 2022
(theo thang điểm 100)



Nguồn: Cục Thống kê Hải Phòng và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng 2022



4.2

HỒ SƠ DDCI CẤP ĐỊA PHƯƠNG

HUYỆN AN DƯƠNG

1. Kết quả xếp hạng và điểm số

XẾP HẠNG

10

ĐIỂM SỐ

77,24

PHÂN NHÓM

Khá

2. Kết quả chi tiết chỉ số thành phần

Chỉ số thành phần	2020	2021	2022
Gia nhập thị trường, cấp phép và thực hiện TTHC	7,16	6,71	7,4
Tính minh bạch & ứng dụng CNTT	5,95	6,40	6,62
Tính năng động và tiên phong của chính quyền địa phương	7,48	7,29	7,46
Chi phí thời gian thực hiện TTHC & tuân thủ pháp luật	7,69	7,71	7,82
Chi phí không chính thức	8,44	8,90	8,52
Cạnh tranh bình đẳng	7,81	8,17	8,24
Hỗ trợ SXKD	6,58	7,28	7,47
Hiệu lực thực thi văn bản chính sách, hiệu lực thiết chế và ANTT	8,11	7,99	8,13
Tiếp cận đất đai	7,30	7,91	7,86

HUYỆN AN LÃO

1. Kết quả xếp hạng và điểm số

XẾP HẠNG

14

ĐIỂM SỐ

73,89

PHÂN NHÓM

Khá

2. Kết quả chi tiết chỉ số thành phần

Chỉ số thành phần	2020	2021	2022
Gia nhập thị trường, cấp phép và thực hiện TTHC	7,14	7,34	6,93
Tính minh bạch & ứng dụng CNTT	7,54	7,43	6,59
Tính năng động và tiên phong của chính quyền địa phương	8,02	8,08	7,53
Chi phí thời gian thực hiện TTHC & tuân thủ pháp luật	7,86	7,89	7,22
Chi phí không chính thức	8,32	8,52	7,83
Cạnh tranh bình đẳng	8,53	8,39	7,87
Hỗ trợ SXKD	7,45	7,73	7,15
Hiệu lực thực thi văn bản chính sách, hiệu lực thiết chế và ANTT	8,26	8,37	7,72
Tiếp cận đất đai	7,94	7,87	7,66

HUYỆN BẠCH LONG VĨ

1. Kết quả xếp hạng và điểm số

XẾP HẠNG
ĐIỂM SỐ
PHÂN NHÓM

2. Kết quả chi tiết chỉ số thành phần

Chỉ số thành phần	2020	2021	2022
Gia nhập thị trường, cấp phép và thực hiện TTHC	7,63	7,54	n/a
Tính minh bạch & ứng dụng CNTT	7,04	7,87	n/a
Tính năng động và tiên phong của chính quyền địa phương	8,48	8,39	n/a
Chi phí thời gian thực hiện TTHC & tuân thủ pháp luật	8,80	8,74	n/a
Chi phí không chính thức	9,29	8,92	n/a
Cạnh tranh bình đẳng	9,92	9,42	n/a
Hỗ trợ SXKD	7,74	8,22	n/a
Hiệu lực thực thi văn bản chính sách, hiệu lực thiết chế và ANTT	9,98	8,83	n/a
Tiếp cận đất đai	9,82	8,01	n/a

HUYỆN CÁT HẢI

1. Kết quả xếp hạng và điểm số

XẾP HẠNG
7
ĐIỂM SỐ
80,01
PHÂN NHÓM
Tốt

2. Kết quả chi tiết chỉ số thành phần

Chỉ số thành phần	2020	2021	2022
Gia nhập thị trường, cấp phép và thực hiện TTHC	7,90	7,24	8,1
Tính minh bạch & ứng dụng CNTT	6,91	7,01	7,41
Tính năng động và tiên phong của chính quyền địa phương	7,93	7,43	8,02
Chi phí thời gian thực hiện TTHC & tuân thủ pháp luật	8,84	8,05	7,77
Chi phí không chính thức	8,72	8,4	8,6
Cạnh tranh bình đẳng	9,24	8,01	7,67
Hỗ trợ SXKD	7,63	7,23	7,7
Hiệu lực thực thi văn bản chính sách, hiệu lực thiết chế và ANTT	8,96	8,70	8,82
Tiếp cận đất đai	8,13	7,70	7,92

QUẬN DƯƠNG KINH

1. Kết quả xếp hạng và điểm số

XẾP HẠNG

1

ĐIỂM SỐ

93,17

PHÂN NHÓM

Rất tốt

2. Kết quả chi tiết chỉ số thành phần

Chỉ số thành phần	2020	2021	2022
Gia nhập thị trường, cấp phép và thực hiện TTHC	6,97	6,85	9,32
Tính minh bạch & ứng dụng CNTT	6,95	7,16	9,06
Tính năng động và tiên phong của chính quyền địa phương	7,11	7,21	9,24
Chi phí thời gian thực hiện TTHC & tuân thủ pháp luật	7,54	7,73	9,31
Chi phí không chính thức	8,05	8,38	9,39
Cạnh tranh bình đẳng	7,86	7,77	9,54
Hỗ trợ SXKD	6,44	6,93	9,19
Hiệu lực thực thi văn bản chính sách, hiệu lực thiết chế và ANTT	7,95	7,85	9,56
Tiếp cận đất đai	7,10	7,85	9,24

QUẬN ĐỒ SƠN

1. Kết quả xếp hạng và điểm số

XẾP HẠNG

9

ĐIỂM SỐ

78,98

PHÂN NHÓM

Khá

2. Kết quả chi tiết 10 chỉ số thành phần

Chỉ số thành phần	2020	2021	2022
Gia nhập thị trường, cấp phép và thực hiện TTHC	6,75	7,97	7,63
Tính minh bạch & ứng dụng CNTT	7,21	7,89	6,91
Tính năng động và tiên phong của chính quyền địa phương	7,61	8,36	7,74
Chi phí thời gian thực hiện TTHC & tuân thủ pháp luật	7,99	8,38	7,8
Chi phí không chính thức	9,02	9,17	9,02
Cạnh tranh bình đẳng	8,03	8,32	8,65
Hỗ trợ SXKD	7,73	8,08	7,4
Hiệu lực thực thi văn bản chính sách, hiệu lực thiết chế và ANTT	8,06	8,54	8,19
Tiếp cận đất đai	8,03	8,37	7,74

QUẬN HẢI AN

1. Kết quả xếp hạng và điểm số

XẾP HẠNG

6

ĐIỂM SỐ

80,22

PHÂN NHÓM

Tốt

2. Kết quả chi tiết 10 chỉ số thành phần

Chỉ số thành phần	2020	2021	2022
Gia nhập thị trường, cấp phép và thực hiện TTHC	7,51	7,27	8,15
Tính minh bạch & ứng dụng CNTT	6,82	6,69	7,02
Tính năng động và tiên phong của chính quyền địa phương	7,25	7,40	7,62
Chi phí thời gian thực hiện TTHC & tuân thủ pháp luật	7,58	7,87	8,39
Chi phí không chính thức	8,14	8,38	8,95
Cạnh tranh bình đẳng	7,58	7,58	8,41
Hỗ trợ SXKD	6,64	6,85	7,24
Hiệu lực thực thi văn bản chính sách, hiệu lực thiết chế và ANTT	7,49	7,91	8,35
Tiếp cận đất đai	7,58	7,57	8,07

QUẬN HỒNG BÀNG

1. Kết quả xếp hạng và điểm số

XẾP HẠNG

4

ĐIỂM SỐ

84,01

PHÂN NHÓM

Tốt

2. Kết quả chi tiết 10 chỉ số thành phần

Chỉ số thành phần	2020	2021	2022
Gia nhập thị trường, cấp phép và thực hiện TTHC	7,12	6,92	8,09
Tính minh bạch & ứng dụng CNTT	6,62	7,03	7,85
Tính năng động và tiên phong của chính quyền địa phương	6,93	7,53	8,16
Chi phí thời gian thực hiện TTHC & tuân thủ pháp luật	7,20	7,65	8,2
Chi phí không chính thức	8,34	7,74	9,3
Cạnh tranh bình đẳng	7,58	6,54	9
Hỗ trợ SXKD	6,19	6,85	8
Hiệu lực thực thi văn bản chính sách, hiệu lực thiết chế và ANTT	7,38	7,78	8,61
Tiếp cận đất đai	7,23	7,51	8,4

QUẬN KIẾN AN

1. Kết quả xếp hạng và điểm số

XẾP HẠNG

5

ĐIỂM SỐ

82,18

PHÂN NHÓM

Tốt

2. Kết quả chi tiết chỉ số thành phần

Chỉ số thành phần	2020	2021	2022
Gia nhập thị trường, cấp phép và thực hiện TTHC	6,86	6,87	8,16
Tính minh bạch & ứng dụng CNTT	6,91	6,55	7,74
Tính năng động và tiên phong của chính quyền địa phương	7,25	6,98	8,39
Chi phí thời gian thực hiện TTHC & tuân thủ pháp luật	7,17	7,63	8,38
Chi phí không chính thức	7,90	8,27	8,47
Cạnh tranh bình đẳng	7,30	7,48	7,54
Hỗ trợ SXKD	6,50	6,74	8,23
Hiệu lực thực thi văn bản chính sách, hiệu lực thiết chế và ANTT	7,80	7,51	8,71
Tiếp cận đất đai	7,71	7,11	8,34

HUYỆN KIẾN THỤY

1. Kết quả xếp hạng và điểm số

XẾP HẠNG

12

ĐIỂM SỐ

75,29

PHÂN NHÓM

Khá

2. Kết quả chi tiết chỉ số thành phần

Chỉ số thành phần	2020	2021	2022
Gia nhập thị trường, cấp phép và thực hiện TTHC	6,94	7,09	7,26
Tính minh bạch & ứng dụng CNTT	6,64	6,92	6,11
Tính năng động và tiên phong của chính quyền địa phương	6,89	7,82	7,28
Chi phí thời gian thực hiện TTHC & tuân thủ pháp luật	7,27	8,01	7,77
Chi phí không chính thức	8,47	8,67	8,43
Cạnh tranh bình đẳng	7,48	8,28	8,16
Hỗ trợ SXKD	5,95	7,42	6,9
Hiệu lực thực thi văn bản chính sách, hiệu lực thiết chế và ANTT	7,54	8,25	8,26
Tiếp cận đất đai	7,59	8,19	7,59

QUẬN LÊ CHÂN

1. Kết quả xếp hạng và điểm số

XẾP HẠNG

11

ĐIỂM SỐ

76,29

PHÂN NHÓM

Khá

2. Kết quả chi tiết chỉ số thành phần

Chỉ số thành phần	2020	2021	2022
Gia nhập thị trường, cấp phép và thực hiện TTHC	7,40	7,23	7,53
Tính minh bạch & ứng dụng CNTT	6,85	7,47	7,4
Tính năng động và tiên phong của chính quyền địa phương	7,17	7,62	7,51
Chi phí thời gian thực hiện TTHC & tuân thủ pháp luật	7,53	7,78	7,73
Chi phí không chính thức	8,26	7,64	7,86
Cạnh tranh bình đẳng	7,75	7,83	7,65
Hỗ trợ SXKD	6,95	7,13	7,29
Hiệu lực thực thi văn bản chính sách, hiệu lực thiết chế và ANTT	7,88	7,92	7,98
Tiếp cận đất đai	7,89	7,36	7,71

QUẬN NGÔ QUYỀN

1. Kết quả xếp hạng và điểm số

XẾP HẠNG

2

ĐIỂM SỐ

89,07

PHÂN NHÓM

Tốt

2. Kết quả chi tiết 10 chỉ số thành phần

Chỉ số thành phần	2020	2021	2022
Gia nhập thị trường, cấp phép và thực hiện TTHC	7,03	7,76	9,01
Tính minh bạch & ứng dụng CNTT	6,99	7,67	8,76
Tính năng động và tiên phong của chính quyền địa phương	7,29	8,16	8,64
Chi phí thời gian thực hiện TTHC & tuân thủ pháp luật	7,29	8,33	8,83
Chi phí không chính thức	7,60	8,81	9,05
Cạnh tranh bình đẳng	7,62	8,56	8,98
Hỗ trợ SXKD	6,81	7,92	8,54
Hiệu lực thực thi văn bản chính sách, hiệu lực thiết chế và ANTT	7,58	8,47	9,34
Tiếp cận đất đai	7,48	7,62	9,01

HUYỆN THỦY NGUYÊN

1. Kết quả xếp hạng và điểm số

XẾP HẠNG

8

ĐIỂM SỐ

79,40

PHÂN NHÓM

Khá

2. Kết quả chi tiết chỉ số thành phần

Chỉ số thành phần	2020	2021	2022
Gia nhập thị trường, cấp phép và thực hiện TTHC	7,69	7,52	7,9
Tính minh bạch & ứng dụng CNTT	7,23	7,34	7,23
Tính năng động và tiên phong của chính quyền địa phương	7,39	7,55	7,73
Chi phí thời gian thực hiện TTHC & tuân thủ pháp luật	8,04	8,14	8,13
Chi phí không chính thức	8,97	8,15	8,74
Cạnh tranh bình đẳng	7,86	7,87	7,99
Hỗ trợ SXKD	7,32	7,27	7,6
Hiệu lực thực thi văn bản chính sách, hiệu lực thiết chế và ANTT	8,10	7,97	8,26
Tiếp cận đất đai	7,55	7,64	7,88

HUYỆN TIỀN LÃNG

1. Kết quả xếp hạng và điểm số

XẾP HẠNG

3

ĐIỂM SỐ

85,94

PHÂN NHÓM

Tốt

2. Kết quả chi tiết chỉ số thành phần

Chỉ số thành phần	2020	2021	2022
Gia nhập thị trường, cấp phép và thực hiện TTHC	7,61	7,66	8,37
Tính minh bạch & ứng dụng CNTT	7,69	7,78	7,71
Tính năng động và tiên phong của chính quyền địa phương	8,10	8,13	8,3
Chi phí thời gian thực hiện TTHC & tuân thủ pháp luật	8,34	8,46	8,87
Chi phí không chính thức	9,06	9,08	8,88
Cạnh tranh bình đẳng	8,32	8,62	9,23
Hỗ trợ SXKD	7,66	7,95	8,21
Hiệu lực thực thi văn bản chính sách, hiệu lực thiết chế và ANTT	8,17	8,68	8,9
Tiếp cận đất đai	8,48	8,41	8,88

HUYỆN VINH BẢO

1. Kết quả xếp hạng và điểm số

XẾP HẠNG

13

ĐIỂM SỐ

75,16

PHÂN NHÓM

Khá

2. Kết quả chi tiết chỉ số thành phần

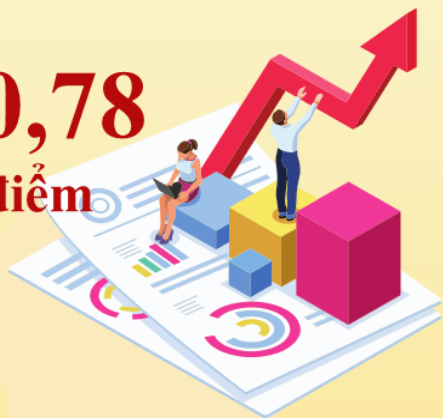
Chỉ số thành phần	2020	2021	2022
Gia nhập thị trường, cấp phép và thực hiện TTHC	7,01	7,77	7,32
Tính minh bạch & ứng dụng CNTT	6,76	7,90	6,76
Tính năng động và tiên phong của chính quyền địa phương	7,03	8,27	7,41
Chi phí thời gian thực hiện TTHC & tuân thủ pháp luật	7,33	8,38	7,77
Chi phí không chính thức	8,46	8,59	8,37
Cạnh tranh bình đẳng	7,73	9,11	7,59
Hỗ trợ SXKD	6,81	8,18	7,14
Hiệu lực thực thi văn bản chính sách, hiệu lực thiết chế và ANTT	7,57	8,85	7,81
Tiếp cận đất đai	7,33	8,13	7,47



DDCI HẢI PHÒNG 2022

NĂNG LỰC CẠNH TRANH ĐỊA PHƯƠNG

80,78
điểm



**Điểm số DDCI 2022
trung bình địa phương**

Ngô Quyền

89,07
điểm

Dương Kinh

93,17
điểm



Tiên Lãng

85,94
điểm



CÁC CHỈ SỐ TĂNG ĐIỂM

**Gia nhập thị trường, cấp
phép và thực hiện TTHC**



Tiếp cận đất đai

**Hiệu lực thực thi văn bản
chính sách, hiệu lực thiết
chế và ANTT**

CÁC CHỈ SỐ CẦN CẢI THIỆN

**Tính minh bạch và
ứng dụng CNTT**

Hỗ trợ SXKD





ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG



<https://haiphong.ddci.org.vn/>

